**TOÁN**

PHÉP TRỪ SỐ NGUYÊN, QUY TẮC DẤU NGOẶC

**I. Phép trừ số nguyên**

**Hoạt động 1:**

7 – 2 = 5

7 + (- 2) = 5

Vậy: 7 – 2 = 7 + (- 2) = 5

Kết luận:

***Muốn trừ số nguyên a cho số nguyên b, ta cộng a với số đối của b:***

***a – b = a + (-b)***

Lưu ý:

Phép trừ trong $N$ không phải bao giờ cũng thực hiện được, còn phép trừ trong $Z$ luôn thực hiện được.

***Luyện tập 1:***

Nhiệt độ lúc 21 giờ là: 5 – 6 = -1oC

**II. Quy tắc dấu ngoặc**

**Hoạt động 2:**

a) 5 + (8 + 3) = 5 + 11 = 16

    5 + 8 + 3 = 13 + 3 = 16

Vậy 5 + (8 + 3) = 5 + 8 + 3

b) 8 + (10 – 5) = 8 + 5 = 13

    8 + 10 – 5 = 18 – 5 = 13

Vậy 8 + (10 – 5) = 8 + 10 – 5

c) 12 – (2 + 16) = 12 - 2 - 16 = - 6

    12 – 2 - 16 = 10 - 16 = -6

Vậy 12 – (2 + 16) = 12 – 2 - 16

d) 18 – (5 – 15) = 18 - 5 + 15 = 18 + 10 = 28

    18 – 5 + 15 = 13 + 15 = 28

Vậy 18 – (5 – 15) = 18 – 5 + 15

Kết luận:

***- Khi bỏ dấu ngoặc có dấu “+” đằng trước thì giữu nguyên dấu của các số hạng trong ngoặc.***

***a + ( b + c) = a + b + c***

***a + ( b - c) = a + b – c***

***- Khi bỏ dấu ngoặc có dấu “-” đằng trước, ta phải đổi dấu của các số hạng trong ngoặc: dấu “+” thành dấu “-” và dấu “-” thành dấu “+”.***

***a - ( b + c ) = a - b - c***

***a - ( b - c) = a - b + c***

***Luyện tập 2:***

a) (- 215) + 63 + 37 = - 215 + (63 + 37) = - 215 + 100 = - 115

b) (- 147) - (13 - 47) = (- 147) - 13 + 47 = [(- 147) + 47] - 13 = -100 -13= -113

LUYỆN TẬP

**Bài 1 :**

a) (- 10) – 21 - 18 = - 49

b) 24 – (- 16) + (- 15) = 25

c) 49 – [15 + (- 6)] = 49 – 15 + 6 = 40

d) (- 44) – [(- 14) – 30] = (- 44) – (- 44) = 0

**Bài 2 :**

a) 10 – 12 – 8 = 10 – (12 + 8) = 10  - 20 = - 10

b) 4 – (- 15) – 5 + 6 = (4 + 6) – [(-15) + 5)] = 10 – (- 10) = 10 + 10 = 20

c) 2 – 12 – 4 – 6 = (2 – 12) - (4 + 6) = -10 + (- 10) = - 20

d) – 45 – 5 – (- 12) + 8 = - (45 + 5) + (12 + 8) = (- 50) + 20 = - 30

**Bài 3:**

a) (- 12) – x = (- 12) – 28 = - 40

b) a – b = 12 – (-48) = 12 + 48 = 60

**KHTN**

**BÀI 17: TẾ BÀO**

**2. sự lớn lên và sinh snr của tế bào**

- Tế bào thục hiện trao đổi chất, lớn lên khi đạt kích thước nhất định một số tế bào thực hiện phân chia tạo thành các tế bào con gọi là sự sinh sản của tế bào

Sự lớn lên và sinh sản của tế bào là cơ sở cho sự lớn lên của sinh vật, giúp thay thế các tế bào bị tổn thương hoặc tế bào chết ở sinh vật

Tế bào là đơn vị cấu trức và là đơn vị chức năng của mọi cơ sống

Bài 18: THỰC HÀN QUAN SÁT TẾ BÀO SINH VẬT

1. Các bước tiến hành làm và quan sát tiêu bản tế bào biểu bì vảy hành

2. Các bước tiến hành làm và quan sát tiêu bản tế bào da ếch

**NGỮ VĂN**

**TIẾT 45: VĂN BẢN 2: GIỌT SƯƠNG ĐÊM**

***2. Nhân vật Thằn Lằn***

- Niềm nở, thân thiện, nhiệt tình với vị khách đến xóm của mình.

- Có thái độ

***3. Cụ giáo Cóc***

- Là trưởng thôn , am hiểu mọi vấn đề ở trong cuộc sống.

- Lời nói của cụ giáo Cóc cũng chính là thông điệp của tác giả muốn nói: đôi khi vì cuộc sống bận rộn khiến chúng ta quên đi những điều thân thuộc, gần gũi với chính mình. Vì vậy hãy biết trân trọng những giá trị của cuộc sống.

**III. Tổng kết**

***1. Nội dung – Ý nghĩa:***

- Nội dung: Văn bản kể lại một đêm mất ngủ của Bọ Dừa tại xóm Bờ Giậu. Những âm thanh, hình ảnh quen thuộc đó đã gợi nhắc ông về hình ảnh quê hương mà bao lâu nay ông bỏ quên.

- Ý nghĩa: Hãy biết trân trọng những giá trị của cuộc sống mà con người vốn dễ lãng quên.

***2. Nghệ thuật***

- Nghệ thuật nhân hóa đặc sắc, cách kể chuyện hấp dẫn và sinh động.

**Đặc điểm truyện cổ tích và truyện đồng thoại (tự điền)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Đặc điểm** | **Truyện cổ tích** | **Truyện đồng thoại** |
| Nội dung phản ánh |  |  |
| Nhân vật |  |  |
| Cốt truyện |  |  |

**TIẾT 46, 47: TRI THỨC TIẾNG VIỆT VÀ THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT:**

**MỞ RỘNG THÀNH PHẦN CHÍNH CỦA CÂU BẰNG CỤM TỪ**

**VIẾT NGẮN**

**I. Cụm từ từ là?**

***1. Xét ví dụ***

***- Một bông hoa lan*** //đang nở.

CN VN

- Tôi// ***đi du lịch.***

 CN VN

- Cô giáo //***rất xinh.***

 CN VN

***2. Nhận xét***

- Cụm từ có hai từ trở lên kết hợp với nhau nhưng chưa tạo thành câu, trong đó có một từ (danh từ, động từ, tính từ) đóng vai trò là thành phần trung tâm, các từ còn lại bổ sung ý nghĩa cho thành phần trung tâm.

- Cụm từ đóng vai trò chủ ngữ hoặc vị ngữ.

- Phân loại:

+ Cụm động từ

+ Cụm tính từ

+ Cụm danh từ

**II. Mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ**

1. ***Xét ví dụ***

- Những chú chim trên cành cây cao//đang hót líu lo.

- Dòng nước trắng xóa trên đỉnh núi// chảy mạnh xuống dưới thung lũng.

***2. Nhận xét***

- Cách mở rộng thành phần chính trong câu bằng cụm từ:

+ Biến chù ngữ hoặc vị ngữ của câu từ một từ thảnh một cụm từ, có thể là cụm danh từ, cụm động từ hoặc cụm tính từ.

+ Biến chủ ngữ hoặc vị ngữ của câu từ cụm từ có thông tin đơn giản thành cụm từ có nhũng thòng tin cụ thể, chi tiết hơn.

+ Có thể mở rộng chủ ngữ hoặc vị ngữ, hoặc mở rộng cả chủ ngữ lẫn vị ngữ của câu.

***\* Tác dụng:***

- Làm cho thông tin của câu trở nên chi tiết, rõ ràng.

**TIẾT 48: VIẾT: KỂ LẠI MỘT TRẢI NGHIỆM CỦA BẢN THÂN**

**I. Tìm hiểu chung**

***1. Khái niệm***

- Kể lại một trải nghiệm của bản than là kiểu bài trong đó người viết kể về diễn biến của sự việc mà mình đã trải qua và để lại nhiều ấn tượng, cảm xúc.

***2.*** ***Yêu cầu đối với kiểu bài kể lại trải nghiệm của bản thân***

- Dùng ngôi thứ nhất để chia sẻ trài nghiệm của bàn thân.

- Trình bày các sự việc theo trình tự hợp lí.

- Kết hợp kể và tà.

- Nêu ý nghĩa của trài nghiệm đối với bàn thân.

- Bài vàn đàm bào bố cục:

* Mở bài: giới thiệu được trài nghiệm.
* Thân bài: trình bày diễn biến của sự việc.
* Kết bài: nêu được ý nghĩa của trài nghiệm đối với người viết.

**II. Phân tích ví dụ**

1. Câu chuyện sử dụng ngôi kể thứ nhất

2. Những sự việc chính:

* Làng tôi có con sông êm đầu chảy qua làng, chúng tôi thường rủ nhau tắm sông.
* Buổi trưa hôm ấy, sau khi đá bóng, đám trẻ rủ nhau ra sông tắm và nảy ra ý định tổ chức cuộc thi bơi giữa đám trẻ trong và ngoài làng.
* Tôi  nhận lời thách đấu, đã bơi nhanh và khi nhận ra đã bơi khá xa bờ.
* Bỗng bắp chân bị chuột rút và đau đớn, tôi sợ hãi tột độ.
* Một người làng đi câu cá gần đấy đã nghe tiếng kêu, nhanh chóng bơi ra và đưa tôi vào bờ.
* Tôi rút ra bài học chỉ nên bơi lội ở nơi an toàn, có sự giám sát của người lớn.

3. Một số chi tiết có sử dụng yếu tố miêu tả:

* Vào mùa hè, nước sông thường cạn nên chúng tôi tung tăng bơi lội, trêu đùa rộn rã cả một góc sông.
* Trận đấu diễn ra vô cùng căng thẳng, gay cấn, quyết liệt.
* Tôi cố ngôi lên mặt nước để kêu cứu nhưng càng vùng vẫy tôi lại càng chìm nhanh hơn và không thể thở được.

Việc sử dụng yếu tố miêu tả giúp cho bài văn thêm sinh động, hấp dẫn, cuốn hút người đọc.

4. Nhân vật “tôi” đã nhận ra sau trải nghiệm ấy là bài học sâu sắc, cần nghe lời người lớn và chỉ nên bơi lội ở nơi an toàn, có sự giám sát của người lớn.

5. Em rút ra được một số kinh nghiệm khi kể lại một trải nghiệm của bản thân:

* Dùng ngôi thứ nhất để kể
* Kết hợp kể và miêu tả
* Trình bày các sự việc theo trình tự hợp lí
* Nêu ý nghĩa của trai nghiệm đối với bản thân.

Bài văn phải đảm bảo bố cục 3 phần

**III. Thực hành**

**Đề bài:** Viết một bài văn (khoảng 400 chữ) kể lại một trải nghiệm của bản thân..

- Quy trình viết gồm 3 bước:

**TIẾNG ANH**

**UNIT 5. NATURAL WONDERS OF THE WORLD**

*(KỲ QUAN THIÊN NHIÊN THẾ GIỚI)*

1. **Vocabulary** *(Từ vựng)*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Word** | **Pronunciation** | **Type** | **Meaning** |
| **Antarctic** | */ænt'ɑrtikə/* | n | Châu Nam cực |
| **backpack** | */'bæk.pæk/* | n | Cái balô |
| **boat** | */bəʊt/* | n | Con thuyền |
| **boot** | */bu:t/* | n | Ủng, bốt |
| **cuisine** | */kwi'zi:n/* | n | Kĩ thuật nấu ăn |
| desert | */'dez.ət/* | n | Sa mạc |
| **diverse** | */dai'vɜ:s/* | adj | Đa dạng |
| **essential** | */i'sen.∫əl/* | adj | Rất cần thiết, thiết yếu.  |
| **forest** | */'fɒr.ist/* | n | Rừng |
| **island** | */'ai.lənd/* | n | Hòn đảo |
| **lake** | */leik/* | n | Hồ |
| **mountain** | */'maʊn.tin/* | n | Núi |
| **plaster** | */'plɑ:stə[r]/* | n | Băng dính, băng keo |
| **rock** | */rɒk/* | n | Hòn đá, phiến đá |
| **thrilling** | */'θril.iɳ/* | adj | Gây hồi hộp |
| **torch** | */tɔ:t∫/* | n | Đèn pin |
| **travel agent** | */'trævl ei.dʒənt/* | n | Công ty du lịch |
| **valley** | */'væl.i/* | n | Thung lung |
| **waterfall** | */'wɔ:təfɔ:l/* | n | Thác nước |
| **windsurfing** | */'wind,sɜ:fiŋ/* | n | Môn thể thao lướt ván buồm |
| **wonder** | */'wʌn.də[r]/* | n | Kỳ quan |

1. **Grammar** *(Ngữ pháp)*
2. **Superlative (So sánh nhất)**
* Short adj:

**S + V + the + adj + est + N/pronoun.**

* Long adj:

**S + V + the most + adj + N/pronoun.**

**Ex:**

She is **the tallest** girl in the village.

He **is the most handsome** boy in class.

* Dạng khác:

**S + V + the least + adj + N/pronoun(ít nhất)**

* Các tính từ so sánh đặc biệt:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Adjective | Comparative form | Superlative form |
| Good | Better  | The best |
| Bad | Worse | The worst |
| Many/ much | More | The most |
| Little | Less | The least |
| Far | Farther/ further | The farthest/ the furthest |

1. **Modal verb**
* **Must** *(Phải, cần phải)*

|  |  |
| --- | --- |
| **Khẳng định** | S + **must** + V (inf. without to) |
| **Phủ định** | S + **must not/ mustn’t** + V\_inf.*[viết tắt: must not = mustn’t]* |
| **Nghi vấn** | **Must** + S + V…? |

* **Must** được dùng để đưa ra một lời khuyên, hoặc một đề nghị được nhấn mạnh.
**Ex**: He mustn’t see that film. It’s for adults only.

You must do more exercise. Join a tennis club.

**SỬ**

**BÀI 11: LA MÃ CỔ ĐẠI(TT)**

**III. NHỮNG THÀNH TỰU VĂN HÓA TIÊU BIỂU**

- Những thành tựu văn hóa tiêu biểu của La Mã cổ đại:

+ Chữ viết : Chữ La-tinh gồm 26 chữ cái, là nền tảng cho hơn 200 ngôn ngữ và chữ viết hiện nay.

. Tạo ra chữ số với 7 chữ cái cơ bản, gọi là chữ số La Mã.

-Luật pháp: là nền tảng cho việc xây dựng luật pháp các nước Âu-Mỹ sau này.

-Kỹ Thuật xây dựng: phát minh ra bê tông.

-Kiến trúc: đền Pan-tê-ông, đấu trường Cô-li-dê…

**CHƯƠNG 4: ĐÔNG NAM Á TỪ NHỮNG THẾ KỈ TIẾP GIÁP CÔNG NGUYÊN ĐẾN THẾ KỈ X**

**BÀI 12: CÁC VƯƠNG QUỐC ĐÔNG NAM Á TRƯỚC THẾ KỈ X**

**I. VỊ TRÍ ĐỊA LÍ CỦA ĐÔNG NAM Á**

- Vị trí: Đông Nam Á là một khu vực khá rộng, nằm ở phía đông nam châu Á, tiếp giáp Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương.

- Khu vực này được xem là cầu nối giữa Trung Quốc và Ấn Độ, giữa lục địa Á-Âu với châu Đại Dương.

- Khí hậu: nhiệt đới gió mùa, nóng ấm, mưa nhiều.

* Những điều kiện tự nhiên thuận lợi

+ Phát triển cây lúa nước.

+ Phát triển nhiều loại cây quý hiếm khác như: trầm hương, đinh hương, đậu khấu, sa nhân,...

**II. SỰ XUẤT HIỆN CÁC VƯƠNG QUỐC CỔ TỪ ĐẦU CÔNG NGUYÊN ĐẾN THÊ KỈ VII**

Phù Nam, Chăm-pa, Đốn Tốn, Xích Thổ, muộn hơn là Chân Lạp, Thaton, Pegu. Các tiểu quốc nhỏ vùng hải đảo như Cantoli, Melayu, Taruma cũng lần lượt ra đời.

**ĐỊA LÝ**

**BÀI 6: CHUYỂN ĐỘNG TỰ QUAY QUANH TRỤC CỦA TRÁI ĐẤT VÀ HỆ QUẢ(TT)**

**II. HỆ QUẢ CHUYỂN ĐỘNG TỰ QUAY QUANH TRỤC CỦA TRÁI ĐẤT(TT)**

**2. Giờ trên Trái đất**

- Giờ địa phương (giờ Mặt trời): Các địa điểm nằm trên cùng một kinh tuyến có cùng một giờ.

- Giờ khu vực: Để tiện cho việc tính giờ và giao dịch quốc tế, người ta quy định giờ thống nhất cho từng khu vực.

- Bề mặt Trái đất được chia ra làm 24 khu vực giờ khác nhau. Mỗi khu vực giờ là một múi giờ, tương ứng với 15*°* kinh tuyến.

+ Giờ Mặt Trời(GMT): giờ được tính theo múi giờ gốc làm giờ giao dịch chung trên thế giới.

**3. Sự lệch hướng chuyển động của các vật thể di chuyển trên bề mặt Trái Đất:**

+ Ở bán cầu Bắc: vật thể chuyển động bị lệch về bên phải so với hướng chuyển động ban đầu.

+ Ở bán cầu Nam: vật thể chuyển động bị lệch về bên trái so với hướng chuyển động ban đầu.

**GDCD**

**Bài. TỰ LẬP**

1.Khái niệm

 Tự lập là tự làm, tự giải quyết công việc của mình không dựa dẫm, phụ thuộc vào người khác

**2. Biểu hiện của tính tự lập:**

- Là sự tự tin, bản lĩnh cá nhân, dám đương đầu với những khó khăn thử thách.

-Có ý chí nỗ lực phấn đấu vươn lên trong cuộc sống.

- Không trông chờ, dựa dẫm, ỷ lại, phụ thuộc vào người khác.

\* Luyện tập. Hs xử lí tình huống

**Tình huống 1:**

Nhà An ở gần trường nhưng bạn ấy hay đi học muộn. Khi lớp trưởng hỏi lí do, An luôn nói: “ Tại bố mẹ không gọi mình dạy”

**Tình huống 2:**

Đọc đề bài toán, có chỗ không hiểu. Hùng rủ Tâm đến nhờ cô giáo hướng dẫn. Tâm khuyên Hùng không nên làm như vậy.

**Tình huống 3:**

Khi được cô giáo phân nhóm để thực hiện các nhiệm vụ học tập, Đạt nghĩ rằng làm việc nhóm sẽ dẫn tới sự ỷ lại, dựa dẫm vào người khác nên không tích cực tham gia

\*Vận dụng

*Xây dựng và thực hiện kế hoạch khắc phục những biểu hiện thiếu tự lập của bản thân*

**GIÁO DỤC THỂ CHẤT**

**CHỦ ĐỀ: Ném bóng**

**Tiết PPCT 23:**

*Bài 1: Kỹ thuật ra sức cuối cùng và giữ thăng bằng*

Học:

- Giới thiệu kỹ thuật ném bóng.

- Cách cầm bóng.

- Giai đoạn ra sức cuối cùng và giữ thăng bằng.

**Tiết PPCT 24:**

*Bài 1: Kỹ thuật ra sức cuối cùng và giữ thăng bằng (tt)*

\* Ôn:

- Cách cầm bóng.

- Giai đoạn ra sức cuối cùng và giữ thăng bằng.

\* Học: Bài tập bổ trợ phát triển thể lực: Kéo dây chun.